

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TIỀN HẢI
Tỉnh Thái Bình**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 61/2024/HNGĐ- ST
Ngày: 20/9/2024
V/v: “ Tranh chấp hôn nhân và
gia đình”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TIỀN HẢI - TỈNH THÁI BÌNH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Chu Thị Linh

- *Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Hoàng Văn Hiền.

2. Bà Trần Thị Hồng.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Trần Thị Yến - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tiền Hải.

- *Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Tiền Hải tham gia phiên tòa:* Bà Trần Quỳnh Huệ - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 9 năm 2024 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tiền Hải, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự thụ lý số: 97/2024/TLST- HNGĐ ngày 24/6/2024 về việc: “Tranh chấp hôn nhân và gia đình” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 59/2024/QĐXX- ST ngày 19/8/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 43/2024/QĐST-HNGĐ ngày 10/9/2024 giữa:

1. *Nguyên đơn:* Chị Trịnh Thị H, sinh năm 1995

Địa chỉ: Tổ F, Khu A, phường H, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh.

2. *Bị đơn:* Anh Trần Văn T, sinh năm 1993

Địa chỉ: Thôn H, xã N, huyện T, tỉnh Thái Bình.

(Chị H vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt, anh T vắng mặt lần thứ hai).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn xin ly hôn, quá trình tố tụng tại Tòa án và đơn xin xét xử vắng mặt, nguyên đơn là chị Trịnh Thị H trình bày: Chị H và anh T kết hôn với nhau là tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện T, tỉnh Thái Bình ngày 06/02/2014. Sau khi kết hôn, chị H và anh T chung sống hạnh phúc đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn do anh T chơi bời, không chịu tu chí làm ăn, không chăm lo cho vợ con và sa vào con đường tệ nạn dẫn đến năm 2023 phải chấp hành án phạt tù tại Trại giam S về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”. Từ năm 2022 cho đến nay chị H và anh T sống ly thân. Nay xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị H đề nghị Tòa án nhân dân huyện Tiền Hải giải quyết cho chị H được ly hôn với anh T.

Về con chung: Chị H và anh T có 02 con chung là Trần Ngọc A, sinh ngày 28/11/2014 và Trần Minh T1, sinh ngày 14/10/2016. Hiện tại 02 con chung đang sống cùng chị H. Sau khi ly hôn chị H xin được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung, chị H không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi 02 con chung cùng chị H.

Về tài sản chung, công nợ: Chị H và anh T không có tài sản chung, không nợ ai và không cho ai vay nợ.

Tại Bản tự khai ngày 03/7/2024, Bị đơn là anh Trần Văn T trình bày: Anh T2 và chị H tự nguyện kết hôn và đăng ký kết hôn năm 2013 tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện T, tỉnh Thái Bình. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2022 thì xảy ra mâu thuẫn do anh T2 chơi bời không để ý tới gia đình và vợ con. Từ năm 2022 anh T2 và chị H sống ly thân đến ngày 01/6/2023 thì anh T2 đi chấp hành án. Nay chị H có đơn xin ly hôn, quan điểm của anh T2 không đồng ý ly hôn vì các con còn nhỏ, vì tương lai của các con anh T2 mong muốn vợ chồng đoàn tụ. Đến ngày 01/9/2024 anh T2 chấp hành xong án phạt tù trở về gia đình lúc đó hai vợ chồng sẽ giải quyết.

Tại biên bản xác minh ngày 02/8/2024, Ủy ban nhân dân xã N cung cấp như sau: Chị Trịnh Thị H và anh Trần Văn T tự nguyện tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện T, tỉnh Thái Bình ngày 06/02/2014. Sau khi kết hôn chị H và anh T chung sống tại thôn H, xã N một thời gian thì hai vợ chồng ra Quảng Ninh sinh sống. Hai vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn do anh T chơi bời. Từ năm 2022 anh T và chị H sống ly thân. Năm 2023 anh T bị Công an huyện T bắt và bị Tòa án xét xử về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”. Hiện tại anh T đang chấp hành án tại Trại giam S, Bộ C. Về việc chị H có đơn xin ly hôn anh T, chính quyền địa phương đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Về con chung: Chị H và anh T có 02 con chung là Trần Ngọc A, sinh ngày 28/11/2014 và Trần Minh T1, sinh ngày 14/10/2016. Hiện tại 02 con chung đang sống cùng chị H tại tỉnh Quảng Ninh. Về tài sản chung, nợ chung: Chính quyền địa phương không nắm được cụ thể.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện nghiêm túc các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, các văn bản tố tụng được tổng đạt đầy đủ, đúng thời hạn cho các đương sự. Đối với nguyên đơn chấp hành chấp hành nghiêm chỉnh pháp luật, có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án để thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình. Bị đơn có lời khai tại Tòa án nhưng không tham gia phiên tòa.

- Về nội dung vụ án: Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị xử cho chị Trịnh Thị H được ly hôn với anh Trần Văn T; về con chung: Giao 02 con chung Trần Ngọc A, sinh ngày 28/11/2014 và Trần Minh T1, sinh ngày 14/10/2016 cho chị Trịnh Thị H trực tiếp nuôi dưỡng, việc cấp dưỡng nuôi con chung không đặt ra giải quyết; Về tài sản chung: Không đặt ra giải quyết. Về án phí: Chị Trịnh Thị H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về tố tụng: Bị đơn là anh Trần Văn T có hộ khẩu thường trú tại xã N, huyện T, tỉnh Thái Bình. Theo quy định tại các Điều 35, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án “Tranh chấp hôn nhân và gia đình” giữa chị Trịnh Thị H và anh Trần Văn T thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tiền Hải. Nguyên đơn vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai. Căn cứ vào khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Trịnh Thị H và anh Trần Văn T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện T, tỉnh Thái Bình ngày 06/02/2014. Tại thời điểm kết hôn, chị H và anh T đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật Hôn nhân và Gia đình. Đó là hôn nhân hợp pháp. Xét yêu cầu xin ly hôn của chị H, Hội đồng xét xử xét thấy: Sau khi kết hôn, chị H và anh T chung sống hạnh phúc đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn do anh T chơi bời, không tu chí làm ăn, năm 2023 anh T vi phạm pháp luật bị Tòa án nhân dân huyện Tiền Hải xử phạt 01 năm 06 tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”. Từ năm 2022 chị H và anh T không chung sống cùng nhau, quan hệ vợ chồng không còn tồn tại trên thực tế. Bị đơn là anh T không đồng ý ly hôn với chị H, anh T trình bày đầu tháng 9 năm 2024 anh T ra trại lúc đó hai vợ chồng sẽ giải quyết việc gia đình, Tòa án đã ra Thông báo về việc giải quyết vụ án ly hôn, Thông báo đã được giao trực tiếp cho anh T thông qua Ban giám thị Trại giam số 05, trong Thông báo nêu rõ lịch mở phiên tòa lần thứ nhất vào ngày 10/9/2024, trường hợp có đương sự vắng mặt phiên tòa được mở lại vào hồi 08 giờ ngày 20/9/2024, tuy nhiên anh T đều không đến Tòa án làm việc và không tham gia phiên tòa. Tại Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình quy định: “ *Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình*”. Chị H xác định tình cảm vợ chồng không còn và đề nghị Tòa án giải quyết cho chị H được ly hôn với anh T. Như vậy, hôn nhân của chị H và anh T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị H, giải quyết cho chị H được ly hôn với anh T là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[2.2]. Về con chung: Chị H và anh T có 02 con chung là Trần Ngọc A, sinh ngày 28/11/2014 và Trần Minh T1, sinh ngày 14/10/2016. Hiện tại 02 con chung đang sống cùng chị H. Nguyên vọng của chị H sau khi ly hôn là xin được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung và không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị H. Xét thấy, từ khi chị H và anh Tuấn không chung sống cùng nhau thì cả 02 con chung của chị H và anh T sống cùng chị H tại thành phố H, tỉnh Quảng Ninh, cháu A và cháu T1 trên 07 tuổi, các cháu đều có nguyện vọng xin được ở với mẹ. Vì vậy, để đảm bảo cho việc sinh hoạt và học tập ổn định của cháu A và cháu T1, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị H, giao cho chị H được trực tiếp nuôi dưỡng,

chăm sóc, giáo dục 02 con chung Trần Ngọc A và Trần Minh T1. Việc cấp dưỡng nuôi con chung không đặt ra giải quyết, khi nào đương sự có yêu cầu sẽ được giải quyết bằng một vụ việc dân sự khác.

[2.3]. Về tài sản chung: Không giải quyết.

[2.4]. Về án phí: Chị Trịnh Thị H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[2.5]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 228, 271, và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Các Điều 51, 53, 56, 57, 58, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và Gia đình; Điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

1/ Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Trịnh Thị H được ly hôn với anh Trần Văn T.

2/ Về con chung: Giao cho chị Trịnh Thị H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục 02 con chung Trần Ngọc A, sinh ngày 28/11/2014 và Trần Minh T1, sinh ngày 14/10/2016. Việc cấp dưỡng nuôi con chung không đặt ra giải quyết, khi nào đương sự có yêu cầu sẽ được giải quyết bằng một vụ việc dân sự khác.

Anh Trần Văn T có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung và được quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn.

3/ Về tài sản chung: Không giải quyết.

4/ Về án phí: Chị Trịnh Thị H phải nộp 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng) chị H đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Tiền Hải theo biên lai thu số 0002687 ngày 24/6/2024.

5/ Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Tiền Hải;
- Chi cục THADS huyện Tiền Hải;
- UBND xã N;
- Các đương sự;
- Lưu.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)

Chu Thị Linh